

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự toán công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh; đường kết nối QL.38B đến đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (đoạn từ đường ĐT.491 đến đường nối 2 cao tốc, qua Khu công nghiệp Thái Hà); đường trục vành đai kinh tế T4 (từ đoạn giao QL.21 đến ĐT.499B) trên địa bàn tỉnh Hà Nam cũ (từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2028)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NP-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng; Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 237/TTr-SXD ngày 05 tháng 5 năm 2026 và kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 3830/SXD-KCHT ngày 30 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. *Phê duyệt Dự toán công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh; đường kết nối QL.38B đến đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (đoạn từ đường ĐT.491 đến đường nối 2 cao tốc, qua Khu công nghiệp Thái Hà); đường trục vành đai kinh tế T4 (từ đoạn giao QL.21 đến ĐT.499B) trên địa bàn tỉnh Hà Nam cũ (từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2028), với các nội dung sau:*

1. Tên dịch vụ sự nghiệp công: *Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh; đường kết nối QL.38B đến đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (đoạn từ đường ĐT.491 đến đường nối 2 cao tốc, qua Khu công nghiệp Thái Hà); đường trục vành đai kinh tế T4 (từ đoạn giao QL.21 đến ĐT.499B) trên địa bàn tỉnh Hà Nam cũ (từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2028).*

2. Cơ quan quản lý: *Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình.*

3. Đơn vị lập dự toán: *Trung tâm Bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông, Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình.*

4. Mục tiêu thực hiện: *Quản lý, bảo vệ, duy trì khả năng khai thác của các tuyến đường, hành lang an toàn đường bộ, bảo đảm giao thông an toàn và thông suốt.*

5. Các nội dung và khối lượng chủ yếu

a) *Công tác quản lý*: Tuân đường; kiểm tra định kỳ; cập nhật số liệu cầu, đường và tình hình bão lũ; trực bão lũ; quản lý hành lang an toàn đường bộ, đầu nối và một số công việc khác.

b) *Công tác bảo dưỡng thường xuyên đường*: Đắp phụ nền, lè đường; bạt lè đường; cắt cỏ; phát quang cây cỏ; vét rãnh hở, kín; bổ sung, thay thế nắp rãnh bê tông; thông cống, thanh thải dòng chảy; bảo dưỡng thường xuyên biển báo và công trình an toàn giao thông khác; vệ sinh mặt đường; vá ổ gà, cóc găm, lún cục bộ, lún trôi mặt đường và một số công việc khác.

c) *Công tác quản lý, bảo dưỡng cầu*: Kiểm tra cầu định kỳ hàng tháng; kiểm tra cầu trước và sau mùa mưa bão; cập nhật tình trạng cầu và quản lý hồ sơ; sửa chữa lan can cầu, sơn lan can; sửa chữa hư hỏng cục bộ 1/4 nón mố cầu; vệ sinh mặt cầu, ống thoát nước; bảo dưỡng, vệ sinh khe co giãn; vệ sinh mố, trụ cầu; vá ổ gà, bong bật, sửa chữa trôi lún mặt cầu; phát quang cây cỏ; thanh thải dòng chảy dưới cầu và một số công việc khác.

Khối lượng thực hiện các công việc trên được xác định trên cơ sở thực tế, các công việc ưu tiên, cấp thiết cần thực hiện, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức bảo dưỡng thường xuyên và kinh phí được giao. Đối với các đoạn tuyến trong thời gian có dự án đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, thời gian bảo hành sẽ được giảm trừ khối lượng không cần thực hiện để tránh trùng nhiệm vụ, bảo đảm tiết kiệm kinh phí.

Trong giai đoạn thực hiện hợp đồng, nếu thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa, bảo hành khác với dự kiến thì được điều chỉnh (*tăng, giảm*) giá trị hợp đồng trên cơ sở đơn giá trúng thầu và các quy định hiện hành; trường hợp bổ sung đoạn tuyến, công trình mới vào hợp đồng (*bổ sung đoạn đường hoặc bổ sung cầu*) hoặc điều chỉnh đoạn tuyến, bàn giao công trình cho dự án đầu tư xây dựng, dự án sửa chữa định kỳ mà chưa xác định tại Quyết định này (*trường hợp chuyển đoạn tuyến hoặc bàn giao cầu mới cho dự án đầu tư xây dựng trong thời gian thực hiện hợp đồng*) thì sẽ điều chỉnh tăng hoặc giảm giá trị thực hiện hợp đồng tương ứng.

6. Phạm vi thực hiện: Trong phạm vi nền, mặt đường và hành lang an toàn giao thông đường bộ.

7. Dự toán kinh phí: 21.255.469.000 đồng (*Hai mươi một tỷ, hai trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên:	19.655.435.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	382.875.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	636.314.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	580.845.000	đồng.

Cụ thể như sau:

a) Kinh phí thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2026: 3.850.839.000 đồng (Ba tỷ, tám trăm năm mươi triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên: 3.682.873.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 72.485.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 95.481.000 đồng.

b) Kinh phí thực hiện từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026: 5.206.897.000 đồng (Năm tỷ, hai trăm linh sáu triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên: 4.853.564.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 95.527.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 257.806.000 đồng.

c) Kinh phí thực hiện năm 2027: 9.567.485.000 đồng (Chín tỷ, năm trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên: 8.721.362.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 168.531.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 221.997.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 455.595.000 đồng.

d) Kinh phí thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2028: 2.630.248.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm ba mươi triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên: 2.397.636.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 46.332.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 61.030.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 125.250.000 đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: Sự nghiệp kinh tế ngân sách địa phương.

9. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2028 (27 tháng).

10. Phương thức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công: Đấu thầu.

11. Các nội dung khác

- Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, thời gian bắt đầu, kết thúc triển khai thi công các dự án đầu tư xây dựng và dự án sửa chữa (nếu có), thời gian bắt đầu, kết thúc bảo hành các dự án, việc xác định dự toán công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên của năm tiếp theo liên kế bảo đảm phù hợp với kế hoạch bảo trì, dự toán chi theo quy định. Sở Xây dựng có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh tăng hoặc giảm giá trị thực hiện hợp đồng tương ứng làm căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng của năm và thanh toán theo đúng quy định.

- Chi phí dự phòng: Để điều chỉnh khi chế độ chính sách nhà nước thay đổi (*tăng lương, điều chỉnh chế độ chính sách cho người lao động,...*) hoặc khi điều chỉnh khối lượng thực hiện hợp đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng căn cứ Dự toán được phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện, nếu có các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung thì Sở Xây dựng chủ động điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Quyết định số 148/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP2,3,5;
- Lưu: VT, VP4.
VVH_VP4_48.QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Sơn